

PHỤ LỤC 6.1
BẢNG DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO CẤP XÃ NĂM 2027
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2026 của HĐND xã Minh Đức)

STT	Ngành, lĩnh vực (tại sheet Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/ND-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lũy kế vốn bố trí từ đầu tư án đến hết năm 2025		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân 2024 kéo dài và 2025 là số ước)		Vốn bố trí còn thiếu so với TMDT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn 2027		
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định duyệt dự án đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Vốn CBDT
				Số/ngày	TMDT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMDT											
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh			Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS huyện										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =13-18	21=14-19	22	23	24
			TỔNG CỘNG		107.450	107.450			4.053	2.027	-	107.450	-		-	-	-	-	-	-	66.286	66.286	3.430
A			Dự án chuyển tiếp từ 2026 sang 2027		44.500	44.500			2.026	2.027	-	44.500	-		-	-	-	-	-	-	21.986	21.986	-
1	Giáo dục Đào tạo				28.000	28.000			2.026	2027	-	28.000	-		-	-	-	-	-	-	16.170	16.170	-
1.1			Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị khối THCS trường TH&THCS Minh Đức	412/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Minh Đức	28.000	28.000	xã Minh Đức	Xây dựng 14 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị	2026	2027		28.000		2026							16.170	16.170	
2	Giao thông, hạ tầng khu dân cư				16.500	16.500	-	-	-	-	-	16.500	-		-	-	-	-	-	-	5.816	5.816	-
2.1			Xây dựng đường nhựa ấp An Tân kết nối đường Tây QL13	409/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Minh Đức	9.000	9.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,7km; mặt đường rộng ,6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2026	2027		9.000		2026							3.000	3.000	
2.2			Xây dựng đường nhựa ấp Bình Phú đi Sóc Rul	411/QĐ-UBND ngày 01/4/2026 của UBND xã Minh Đức	7.500	7.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,5km;mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. mặt đường rộng ,6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2026	2027		7.500		2026							2.816	2.816	
B			KHOẢNG MỚI NĂM 2027		62.950	62.950	-	-	2.027	-	-	62.950	-		-	-	-	-	-	-	44.300	44.300	3.430
1	Giáo dục Đào tạo				32.500	32.500	-	-	2.027	-	-	32.500	-		-	-	-	-	-	-	20.000	20.000	1.600
1.1			Xây dựng 14 phòng (8 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng), hàng rào, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị kèm theo khối tiêu học trường TH&THCS Minh Tâm	429/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND xã Minh Đức	32.500	32.500	xã Minh Đức	Điểm chính: Xây dựng 14 phòng (8 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng), hàng rào, công trình phụ trợ và mua sắm trang thiết bị	2027	2028		32.500		2027							20.000	20.000	1.600
2	Giao thông, hạ tầng khu dân cư				30.450	30.450	0	0	0	0	0	30.450	0		0	0	0	0	0	0	24.300	24.300	1.830
2.1			Xây dựng đường nhựa ấp 1 đi sóc 5	424/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Minh Đức	7.500	7.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,6km;mặt đường rộng ,6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2027	2028		7.500		2027							5.000	5.000	300

2.2			Xây dựng đường nhựa áp 4 vào chốt dân quân	425/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Minh Đức	2.500	2.500	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,2km; mặt đường rộng ,6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2027	2028		2.500		2027							2.500	2.500	150
2.3			Xây dựng mương thoát nước tổ 1,2,3 ấp 3		2.250	2250	xã Minh Đức	Xây dựng mương thoát nước BTXM mức 200 1x1 dài 0,75km	2027	2028		2.250		2027							2.250	2.250	135
2.4			Nâng cấp, sửa chữa đường mương thoát nước tuyến đường tổ 5, tổ 2 ấp 2A đi Chà lon		7.650	7.650	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,7 km; đường rộng 5,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường.	2027	2028		7.650		2027							4.000	4.000	612
2.5			Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường tổ 1,2,3,4 ấp 2 đi phường Bình Long		8.750	8750	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 3,5 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường.	2027	2028		8.750		2027							8.750	8.750	525
2.6			Nâng cấp, sửa chữa đường, mương đường thoát nước ấp Phổ Lồ		1.800	1.800	xã Minh Đức	Chiều dài 200m, đường rộng 5,0m. Kết cấu bê tông xi măng. Xây dựng hệ thống thoát dọc tuyến và công ngang đường.	2027	2028		1.800		2027							1.800	1.800	108